

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật khu nước trước cầu cảng 1A, 2A, 3A, 4A, 1B, 3B, 4B, 1C, 2C của Bến cảng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè

Vùng biển: Vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu.

Căn cứ: Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 3349/PLXSG-CNĐT ngày 06/10/2025 của Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn v/v công bố thông báo hàng hải định kỳ độ sâu khu nước trước Cầu cảng 1A, 2A, 3A, 4A, 1B, 3B, 4B, 1C, 2C của Bến cảng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè.

Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước các cầu cảng 1A, 2A, 3A, 4A, 1B, 3B, 4B, 1C, 2C của Bến cảng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè như sau:

1. Khu nước trước cầu cảng 1A được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K15	10°41'56.54"	106°44'53.36"	10°41'52.88"	106°44'59.79"
K16	10°41'58.22"	106°44'50.31"	10°41'54.56"	106°44'56.74"
K17	10°42'06.39"	106°44'47.96"	10°42'02.73"	106°44'54.39"
K18	10°42'09.41"	106°44'49.66"	10°42'05.74"	106°44'56.09"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt 12,4m. Ngoài ra, tại điểm K16 xuất hiện dải cạn có độ sâu 11.56m đến 12.37m kéo dài về phía thượng lưu 28m và có độ rộng khoảng 5m lấn vào vùng nước.

2. Khu nước trước cầu cảng 2A được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K23	10°42'16.22"	106°44'41.90"	10°42'12.55"	106°44'48.33"
K24	10°42'15.21"	106°44'41.39"	10°42'11.54"	106°44'47.82"
K25	10°42'14.46"	106°44'39.13"	10°42'10.80"	106°44'45.56"

K26	10°42'15.22"	106°44'38.87"	10°42'11.55"	106°44'45.30"
-----	--------------	---------------	--------------	---------------

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt từ -0,89 m đến 1.24m.

3. Khu nước trước cầu cảng 3A được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K25	10°42'14.46"	106°44'39.13"	10°42'10.80"	106°44'45.56"
K26	10°42'15.22"	106°44'38.87"	10°42'11.55"	106°44'45.30"
K27	10°42'13.72"	106°44'36.87"	10°42'10.05"	106°44'43.29"
K28	10°42'14.22"	106°44'35.84"	10°42'10.55"	106°44'42.27"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt - 2,06m đến -0,04m.

4. Khu nước trước cầu cảng 4A được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K19	10°42'06.51"	106°44'48.29"	10°42'02.85"	106°44'54.72"
K20	10°42'07.33"	106°44'46.60"	10°42'03.67"	106°44'53.03"
K21	10°42'11.15"	106°44'45.27"	10°42'07.48"	106°44'51.70"
K22	10°42'12.83"	106°44'46.10"	10°42'09.16"	106°44'52.53"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 12,92 m.

5. Khu nước trước cầu cảng 1B được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K29	10°41'51.34"	106°44'54.04"	10°41'47.67"	106°45'00.47"
K30	10°41'52.06"	106°44'52.61"	10°41'48.39"	106°44'59.04"
K31	10°41'55.39"	106°44'51.49"	10°41'51.72"	106°44'57.92"
K32	10°41'56.81"	106°44'52.21"	10°41'53.14"	106°44'58.64"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 6,13 m.

6. Khu nước trước cầu cảng 3B được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000	Hệ WGS-84
----------	------------	-----------

	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K11	10°41'46.60"	106°44'58.38"	10°41'42.93"	106°45'04.81"
K12	10°41'45.62"	106°44'56.12"	10°41'41.95"	106°45'02.55"
K13	10°41'52.49"	106°44'53.10"	10°41'48.82"	106°44'59.53"
K14	10°41'55.70"	106°44'54.39"	10°41'52.03"	106°45'00.81"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 11,5 m. Ngoài ra tại điểm K12 xuất hiện dải cạn có độ sâu 8,43m đến 11.36m kéo dài về phía thượng lưu 68m và có độ rộng khoảng 20m lấn vào vùng nước.

7. Khu nước trước cầu cảng 4B được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K9	10°41'37.52"	106°45'02.43"	10°41'33.86"	106°45'08.86"
K10	10°41'38.77"	106°44'59.18"	10°41'35.10"	106°45'05.61"
K11	10°41'46.60"	106°44'58.38"	10°41'42.93"	106°45'04.81"
K12	10°41'45.62"	106°44'56.12"	10°41'41.95"	106°45'02.55"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 12,4 m.

Lưu ý:

- Dải cạn 1: Tại điểm K10 có độ sâu 5,54m đến 12,31m kéo dài về phía thượng lưu 137m và có độ rộng khoảng 39m lấn vào vùng nước.

- Dải cạn 2: Tại điểm K12 có độ sâu 7,58m đến 12,38m kéo dài về phía hạ lưu 75m và có độ rộng khoảng 20m lấn vào vùng nước.

8. Khu nước trước cầu cảng 1C được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K1	10°41'23.15"	106°45'10.57"	10°41'19.48"	106°45'17.00"
K2	10°41'23.57"	106°45'08.54"	10°41'19.90"	106°45'14.97"
K3	10°41'27.22"	106°45'06.13"	10°41'23.55"	106°45'12.56"
K4	10°41'29.22"	106°45'06.55"	10°41'25.55"	106°45'12.98"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 6,19 m.

9. Khu nước trước cầu cảng 2C được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000	Hệ WGS-84

	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
K5	10°41'33.00"	106°45'04.25"	10°41'29.33"	106°45'10.68"
K6	10°41'33.56"	106°45'02.21"	10°41'29.89"	106°45'08.63"
K7	10°41'37.35"	106°45'00.02"	10°41'33.68"	106°45'06.45"
K8	10°41'39.37"	106°45'00.58"	10°41'35.70"	106°45'07.01"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 8,6 m.

Lưu ý:

- Dải cạn 1: Tại điểm K10 có độ sâu 5,81m đến 8,55m kéo dài về phía thượng lưu 44m và có độ rộng khoảng 10m lấn vào vùng nước

- Dải cạn 2: Tại điểm K7 có độ sâu 5,25m đến 8,59m kéo dài về phía hạ lưu 45m và có độ rộng khoảng 15m lấn vào vùng nước.


HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

- Thông báo hàng hải này thay thế Thông báo hàng hải số 1497/TBHH-CVHHTPHCM ngày 19/09/2025 của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tàu thuyền căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và thông báo điều kiện khai thác của cầu cảng 1A, 2A, 3A, 4A, 1B, 3B, 4B, 1C, 2C của Bến cảng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè để điều động tàu thuyền vào, rời, khai thác tại bên cảng an toàn.

Ghi chú:


- Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu XDNB-2.25 tỷ lệ 1/1000 do Công ty Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông đường thủy Quang Minh hoàn thành tháng 9/2025, được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn (đính kèm).

- Để biết thêm thông tin chi tiết về số liệu độ sâu, đề nghị liên hệ Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn (đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu tại bình đồ độ sâu đã cung cấp đề nghị công bố thông báo hàng hải)!. 

Nơi nhận:

- Giám đốc (để b/c);
- Cục HH và ĐT Việt Nam (để b/c);
- Phó Giám đốc: N.Q.Hung, T.M.Trí, L.V.Thức, N.G.Nam, V.D.Nhân;
- Bộ Tư lệnh Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- BCH Bộ đội Biên phòng Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Đường thủy nội địa;
- Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở NN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV-Tcty BĐATHH Việt Nam;
- Cty TNHH MTV HTHH miền Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Trung tâm UPSCD khu vực miền Nam;
- Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Huy Toàn

- Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV-Tcty BĐATHH Việt Nam;
- Cty TNHH MTV Thông tin ĐTHH Việt Nam;
- Cty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn;
- Các Doanh nghiệp chủ tàu;
- Các Doanh nghiệp vận tải biển, vận tải thủy;
- Các Doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
- Các Doanh nghiệp đại lý tàu biển;
- Các Đại diện: Hiệp Phước, Cần Giờ, Long An, Vũng Tàu, Thị Vải, Côn Đảo (đề ph/h);
- Các Phòng: AT-ANHH, ĐPGTHH, TTTT (đề ph/h);
- Website Cảng vụ HH TP.HCM;
- Lưu: VT, QLKCHT (Đăng).